

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

| | <u>TRANG</u> |
|--|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 2 - 3 |
| BÁO CÁO SOÁT XÉT | 4 - 5 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG | 6 - 7 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG | 8 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG | 9 |
| BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG | 10 - 42 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đã được soát xét.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|---------------------------------|-------------------|
| <u>Hội đồng quản trị</u> | |
| Ông Phùng Văn Quang | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Quốc Hùng | Phó Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Văn Hà | Ủy viên |
| Ông Nguyễn Thế Quân | Ủy viên |
| Ông Phạm Tiến Tịnh | Ủy viên |
| <u>Ban kiểm soát</u> | |
| Bà Nguyễn Mỹ Hải | Trưởng ban |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy | Thành viên |
| Ông Triệu Đình Trung | Thành viên |
| <u>Ban Tổng Giám đốc</u> | |
| Ông Nguyễn Thế Hưng | Tổng Giám đốc |
| Ông Đặng Ngọc Hùng | Phó Tổng Giám đốc |

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Nguyễn Thế Hưng, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào,

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

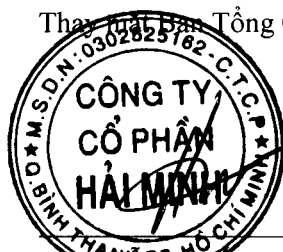
với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN THẾ HUNG – Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hải Minh, được lập ngày 27 tháng 8 năm 2018, từ trang 6 đến trang 42 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của Chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

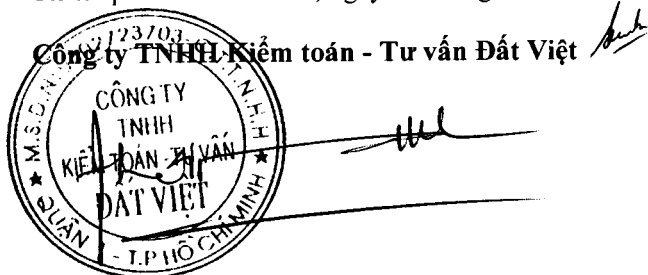
Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép Chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng Chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của Chúng tôi, Chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến Chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hải Minh tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2018



VÕ THẾ HOÀNG - Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0484-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

Handwritten marks and text on the right margin, including 'col', 'KIE', and 'ĐV'.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

MẪU B01-DN
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2018 | 31/12/2017 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 108.689.151.896 | 66.497.070.275 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 33.082.415.212 | 30.036.771.057 |
| 1. Tiền | 111 | | 3.582.415.212 | 8.036.771.057 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 29.500.000.000 | 22.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 34.703.397.849 | 10.918.946.736 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | V.2b | 18.549.807.605 | 9.529.406.637 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | (5.235.949.855) | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | 21.389.540.099 | 1.389.540.099 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 40.406.667.490 | 24.574.420.263 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 14.498.064.254 | 13.179.913.270 |
| 2. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4a | 26.697.403.236 | 11.986.106.993 |
| 3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.5 | (788.800.000) | (591.600.000) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 121.320.771 | 260.714.026 |
| Hàng tồn kho | 141 | V.6 | 121.320.771 | 260.714.026 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 375.350.574 | 706.218.193 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7a | 375.350.574 | 599.492.993 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | - | 106.725.200 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 165.306.001.730 | 191.354.517.861 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 5.000.000 | 367.088.000 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | V.4b | 5.000.000 | 367.088.000 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 36.068.575.663 | 38.700.442.378 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 35.504.573.802 | 38.129.448.759 |
| Nguyên giá | 222 | | 47.371.903.913 | 53.756.585.597 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (11.867.330.111) | (15.627.136.838) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | 564.001.861 | 570.993.619 |
| Nguyên giá | 228 | | 601.291.237 | 601.291.237 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (37.289.376) | (30.297.618) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 194.363.636 | 925.479.999 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.10 | 194.363.636 | 925.479.999 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.11 | 127.929.336.819 | 150.290.556.270 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.11a | 122.145.320.000 | 122.145.320.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.11b | - | 25.245.219.451 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.11c | 5.784.016.819 | 2.900.016.819 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1.108.725.612 | 1.070.951.214 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.7b | 1.108.725.612 | 1.070.951.214 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 273.995.153.626 | 257.851.588.136 |

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2018 | 31/12/2017 |
|---|-------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 13.353.714.227 | 8.031.531.691 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 13.168.714.227 | 7.846.531.691 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.12 | 3.684.520.769 | 4.476.313.881 |
| 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.13 | 1.440.900.969 | 917.251.295 |
| 3. Phải trả người lao động | 314 | | 552.887.730 | 717.859.905 |
| 4. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.14 | 333.001.745 | 335.098.096 |
| 5. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.15a | 1.257.051.877 | 907.592.226 |
| 6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.16 | 4.989.052.949 | - |
| 7. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | 63.548.886 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.17 | 911.298.188 | 428.867.402 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 185.000.000 | 185.000.000 |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | V.15b | 185.000.000 | 185.000.000 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 260.641.439.399 | 249.820.056.445 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.18 | 260.641.439.399 | 249.820.056.445 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 131.998.470.000 | 131.998.470.000 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i> | <i>411a</i> | | <i>131.998.470.000</i> | <i>131.998.470.000</i> |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 5.893.984.271 | 5.893.984.271 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 6.614.442.869 | 6.614.442.869 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 116.134.542.259 | 105.313.159.305 |
| <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i> | <i>421a</i> | | <i>89.762.445.835</i> | <i>84.612.475.717</i> |
| <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i> | <i>421b</i> | | <i>26.372.096.424</i> | <i>20.700.683.588</i> |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 273.995.153.626 | 257.851.588.136 |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2018



[Signature]
NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng

[Signature]
NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

MẪU B02-DN**Đơn vị tính: VND****Từ 01/01/2017****đến 30/6/2017**

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018 | Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 |
|---|--------------|--------------------|--|--|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 16.223.298.202 | 19.920.741.431 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 16.223.298.202 | 19.920.741.431 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 15.838.153.238 | 15.412.909.007 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 385.144.964 | 4.507.832.424 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 39.089.784.438 | 16.600.171.424 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 9.799.029.057 | 47.057.957 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | <i>267.481.576</i> | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.5 | 2.325.031.187 | 1.989.637.887 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 27.350.869.158 | 19.071.308.004 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 200.822.159 | 5.638.467 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 46.896.332 | - |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | VI.6 | 153.925.827 | 5.638.467 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 27.504.794.985 | 19.076.946.471 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.7 | 1.132.698.561 | 628.344.372 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 26.372.096.424 | 18.448.602.099 |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2018

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Mẫu B03-DN | |
|--|-------|-------------|------------------------------|------------------------------|
| | | | Đơn vị tính: VND | Đơn vị tính: VND |
| | | | Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018 | Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 27.504.794.985 | 19.076.946.471 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | | 2.653.067.903 | 2.323.302.152 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 5.172.400.969 | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | (1.058.015) | 9.102.401 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (34.303.925.093) | (16.445.393.330) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 267.481.576 | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | <u>1.292.762.325</u> | <u>4.963.957.694</u> |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (2.469.906.759) | (2.050.902.680) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 139.393.255 | 402.628.568 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | (998.702.174) | 622.651.773 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 186.368.021 | 343.473.628 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | (9.020.400.968) | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (267.481.576) | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (800.000.000) | (1.075.829.248) |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (1.288.184.384) | (588.585.588) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | <u>(13.226.152.260)</u> | <u>2.617.394.147</u> |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (531.109.090) | (1.677.181.818) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 200.000.000 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (20.000.000.000) | - |
| 4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (2.884.000.000) | - |
| 5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 38.142.281.637 | - |
| 6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 9.554.359.904 | 3.136.417.791 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | <u>24.481.532.451</u> | <u>1.459.235.973</u> |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 57.477.882.356 | - |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (52.488.829.407) | - |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (13.199.847.000) | (19.785.847.305) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | <u>(8.210.794.051)</u> | <u>(19.785.847.305)</u> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | <u>3.044.586.140</u> | <u>(15.709.217.185)</u> |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | <u>30.036.771.057</u> | <u>32.524.169.106</u> |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 1.058.015 | (9.102.401) |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | <u><u>33.082.415.212</u></u> | <u><u>16.805.849.520</u></u> |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2018



(Signature)
NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
 Kế toán trưởng

(Signature)
NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
 Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

MẪU B09a-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hải Minh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 ngày 24 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 10 năm 2004, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 4 ngày 07 tháng 4 năm 2006, chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 10.000.000.000 VND lên 20.000.000.000 VND và bổ sung ngành nghề kinh doanh (Bổ sung: Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán, cho thuê tàu và thiết bị hàng hải).
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 5 ngày 03 tháng 10 năm 2006, chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 VND lên 50.000.000.000 VND và thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Bùi Duy Ước – Chức danh: Giám đốc sang Ông Nguyễn Thành Chương – Chức danh: Giám đốc.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 03 năm 2007, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 7 ngày 10 tháng 9 năm 2007, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 18 A Ngô Văn Năm, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh sang số 57 -59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 4 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung ngành nghề kinh doanh (Bổ sung: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành nông nghiệp).
- Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 21 tháng 01 năm 2010, chuẩn y việc thay đổi mã số đăng ký doanh nghiệp từ số 4103000801 sang số 0302525162 và chuẩn y thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 57 -59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh sang Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 11 ngày 17 tháng 01 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh sang số 01, đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh và thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Nguyễn Thành Chương – Chức danh: Giám đốc sang Ông Nguyễn Quốc Hùng - Chức danh: Tổng Giám đốc.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 12 ngày 13 tháng 01 năm 2015, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty từ Ông

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Nguyễn Quốc Hùng - Chức danh: Tổng Giám đốc sang Ông Nguyễn Thế Hưng - Chức danh: Tổng Giám đốc.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 13 ngày 20 tháng 5 năm 2016, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 100.000.000.000 VND lên 131.998.470.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 đăng ký thay đổi lần thứ 14 chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 01, đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh sang tầng 17 – tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán điều chỉnh lần 3 số 172/2010/GCNCP-VSD-3 ngày 15 tháng 1 năm 2016 với nội dung chấp nhận Công ty Cổ phần Hải Minh thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ 10.000.000 cổ phiếu lên 13.199.847 cổ phiếu liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên 131.998.470.000 VND.

- **Vốn điều lệ** : 131.998.470.000 VND
Số cổ phiếu : 13.199.847 cổ phiếu
Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

- **Trụ sở hoạt động**

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 17 – tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (04-08) 35128 668
- Fax : (04-08) 35128 688
- Mã số thuế : **0 3 0 2 5 2 5 1 6 2**

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay là sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông – đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Tại kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ và 3 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Chi tiết như sau:

Công ty con

| Tên công ty con | Địa chỉ | Tỷ lệ phần vốn sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|-----------------------------------|--|---|------------------------|--|
| Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát | Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng | 96,08% | 96,08% | Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa |
| Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh | Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng | 100,00% (trong đó: 99,92% trực tiếp và 0,08% gián tiếp) | 100,00% | Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa |
| Công ty TNHH DV Hàng hải Hải Minh | Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng | 100,00% (trong đó: 99,00% trực tiếp và 1,00% gián tiếp) | 100,00% | Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa |

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 43 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 60 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 thuộc kỳ kế toán năm thứ 17 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngoại tệ ngân hàng, thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ hoặc ký quỹ ngoại tệ;
- Đối với các khoản phải trả tiền tệ (phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay): Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản đầu tư vào công ty con, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, góp vốn liên doanh và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính riêng trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đối với

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013” và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”, cụ thể như sau:

| | <u>Số năm</u> |
|-----------------------|---------------|
| Nhà cửa vật kiến trúc | 43 |
| Phương tiện vận tải | 5 - 15 |
| Thiết bị văn phòng | 5 |
| Tài sản cố định khác | 10 |

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các dự án đầu tư đóng sà lan, chi phí xây dựng cơ bản các công trình chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước chi phí sửa chữa, chi phí kiểm định, phí bảo hiểm, công cụ dụng cụ và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các chi phí văn phòng, chi phí sửa chữa và chi phí khác đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm;

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

13. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

14. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>30/6/2018</u> | <u>31/12/2017</u> |
|--------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 613.517.166 | 438.384.229 |
| Tiền gửi ngân hàng | 2.968.898.046 | 6.373.359.372 |
| Tiền đang chuyển | - | 1.225.027.456 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 29.500.000.000 | 22.000.000.000 |
| Cộng | <u>33.082.415.212</u> | <u>30.036.771.057</u> |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,8% đến 5,1% /năm (năm 2017: 4,8% đến 5,1%/năm).

2. Các khoản đầu tư tài chính

| Đầu tư nắm giữ đến a) ngày đáo hạn | 30/6/2018 | | 31/12/2017 | |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Tiền gửi có kỳ hạn (*) | 21.389.540.099 | 21.389.540.099 | 1.389.540.099 | 1.389.540.099 |
| Cộng | 21.389.540.099 | 21.389.540.099 | 1.389.540.099 | 1.389.540.099 |

(*) Tiền gửi có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 6,0% đến 7,0%/năm (năm 2017: 6,5 đến 6,8% /năm)

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

| b) Chứng khoán kinh doanh | 30/06/2018 | | | 31/12/2017 | | |
|--|-----------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|----------------|
| | Tên khách hàng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý |
| Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDIRECT | 1.006.211.750 | 520.500.000 | 485.711.750 | - | - | - |
| Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín | 4.766.205.500 | 3.150.600.000 | 1.615.605.500 | - | - | - |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình | 5.229.587.550 | 3.909.015.000 | 1.320.572.550 | - | - | - |
| Công ty CP FPT | 1.926.886.000 | 1.441.300.500 | 485.585.500 | - | - | - |
| Ngân hàng TMCP Á Châu | 4.187.659.680 | 2.991.907.875 | 1.195.751.805 | - | - | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh | 481.856.125 | 445.034.375 | 36.821.750 | - | - | - |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai | 341.345.500 | 318.750.000 | 22.595.500 | - | - | - |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam | 429.785.500 | 363.750.000 | 66.035.500 | - | - | - |
| Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam | 180.270.000 | 173.000.000 | 7.270.000 | - | - | - |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn - H Nội | - | - | - | 1.521.150.650 | 1.581.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát | - | - | - | 1.609.788.583 | 1.655.000.000 | - |
| Tập Đoàn Bảo Việt | - | - | - | 1.531.528.699 | 1.632.500.000 | - |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn | - | - | - | 4.866.938.705 | 5.184.000.000 | - |
| Cộng | 18.549.807.605 | 13.313.857.750 | 5.235.949.855 | 9.529.406.637 | 10.052.500.000 | - |

Giá trị hợp lý của các trái phiếu này là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng mua bán trái phiếu, là giá trị ghi sổ của trái phiếu tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

3. Phải thu ngắn hạn khách hàng

| | <u>30/6/2018</u> | <u>31/12/2017</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) | - | 2.700.616.803 |
| Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh | 356.224.642 | 327.103.606 |
| Công ty TNHH DV Hàng hải Hải Minh | 37.800.000 | 280.000.000 |
| Công ty Cổ phần Hàng hải Hưng Phú | 1.972.000.000 | 1.972.000.000 |
| Samudera Shipping Line Ltd. | 7.133.109.486 | 3.081.372.991 |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Phước Tạo | - | 1.006.990.000 |
| Công ty Cp Sangchi | 526.862.666 | 184.674.000 |
| Công ty TNHH Dịch Vụ Tiếp Vận Toàn Cầu | 757.200.000 | - |
| Khách hàng khác | 3.714.867.460 | 3.627.155.870 |
| Cộng | <u>14.498.064.254</u> | <u>13.179.913.270</u> |

Trong đó số dư phải thu khách hàng là các bên liên quan là:

| | | |
|---------------------------------------|---------------------------|-----------------------------|
| Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) | - | 2.700.616.803 |
| Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh | 356.224.642 | 327.103.606 |
| Công ty TNHH DV Hàng hải Hải Minh | 37.800.000 | 280.000.000 |
| Cộng | <u>394.024.642</u> | <u>3.307.720.409</u> |

4. Phải thu khác

| | <u>30/6/2018</u> | | <u>31/12/2017</u> | |
|---------------------------------------|------------------------------|----------|------------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| a) Ngắn hạn | 26.697.403.236 | - | 11.986.106.993 | - |
| Lợi nhuận phải thu | | - | | - |
| Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh | 1.811.259.400 | - | 2.868.182.115 | - |
| Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát | 1.324.842.126 | - | | - |
| Công ty TNHH DV Hàng Hải Hải Minh | 1.329.321.900 | - | 1.329.321.900 | - |
| Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) | 13.369.168.883 | - | 6.352.378.277 | - |
| Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh | 7.435.394.531 | - | - | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 561.136.600 | - | 691.443.844 | - |
| Tạm ứng nhân viên | 154.042.568 | - | 175.804.333 | - |
| Lãi dự thu | 461.237.228 | - | 187.976.524 | - |
| Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 251.000.000 | - | 381.000.000 | - |
| b) Dài hạn | 5.000.000 | - | 367.088.000 | - |
| Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn | 5.000.000 | - | 367.088.000 | - |
| Cộng | <u>26.702.403.236</u> | - | <u>12.353.194.993</u> | - |

Trong đó số dư phải thu khách hàng là các bên liên quan là:

| | | |
|--------------------------------|---------------|---------------|
| Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh | 1.811.259.400 | 2.868.182.115 |
| Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát | 1.324.842.126 | - |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

| | 30/6/2018 | | 31/12/2017 | |
|---------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Công ty TNHH DV Hàng Hải Hải Minh | 1.329.321.900 | | 1.329.321.900 | |
| Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) | 13.369.168.883 | | 6.352.378.277 | |
| Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh | 7.435.394.531 | | - | |
| Cộng | 25.269.986.840 | | 10.549.882.292 | |

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
|---|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | | | | |
| Công ty Cổ phần Hàng hải Hưng Phú | 1.972.000.000 | (788.800.000) | 1.972.000.000 | (591.600.000) |
| Cộng | 1.972.000.000 | (788.800.000) | 1.972.000.000 | (591.600.000) |

6. Hàng tồn kho

| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
|-----------------|--------------------|----------|--------------------|----------|
| Nguyên vật liệu | 121.320.771 | - | 260.714.026 | - |
| Hàng hóa | - | - | - | - |
| Cộng | 121.320.771 | - | 260.714.026 | - |

7. Chi phí trả trước

| | 30/6/2018 | 31/12/2017 |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| a) Ngắn hạn | 375.350.574 | 599.492.993 |
| Chi phí sửa chữa | 128.356.242 | 148.623.427 |
| Chi phí kiểm định, phí bảo hiểm | 160.911.602 | 362.364.897 |
| Công cụ, dụng cụ | 6.000.000 | 10.384.959 |
| Chi phí khác | 80.082.730 | 78.119.710 |
| b) Dài hạn | 1.108.725.612 | 1.070.951.214 |
| Chi phí văn phòng | 292.576.839 | 355.823.229 |
| Chi phí sửa chữa | 736.508.652 | 688.854.500 |
| Chi phí khác | 79.640.121 | 26.273.485 |
| Cộng | 1.484.076.186 | 1.670.444.207 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình**

| | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị văn phòng | Tài sản cố định khác | Cộng |
|--|-----------------------|-----------------------|--------------------|----------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| 31/12/2017 | 14.505.410.057 | 35.025.632.194 | 172.415.073 | 4.053.128.273 | 53.756.585.597 |
| Tăng trong kỳ | - | 1.262.225.453 | - | - | 1.262.225.453 |
| Mua sắm mới | - | 1.262.225.453 | - | - | 1.262.225.453 |
| Giảm trong kỳ | - | 4.347.879.091 | - | 3.299.028.046 | 7.646.907.137 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | 4.347.879.091 | - | 3.299.028.046 | 7.646.907.137 |
| 30/6/2018 | 14.505.410.057 | 31.939.978.556 | 172.415.073 | 754.100.227 | 47.371.903.913 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| 31/12/2017 | 730.892.734 | 11.869.370.001 | 172.415.073 | 2.854.459.030 | 15.627.136.838 |
| Tăng trong kỳ | 168.667.554 | 1.750.051.925 | - | 727.356.666 | 2.646.076.145 |
| Khấu hao trong kỳ | 168.667.554 | 1.750.051.925 | - | 727.356.666 | 2.646.076.145 |
| Giảm trong kỳ | - | 3.106.854.826 | - | 3.299.028.046 | 6.405.882.872 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | 3.106.854.826 | - | 3.299.028.046 | 6.405.882.872 |
| 30/6/2018 | 899.560.288 | 10.512.567.100 | 172.415.073 | 282.787.650 | 11.867.330.111 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| 31/12/2017 | 13.774.517.323 | 23.156.262.193 | - | 1.198.669.243 | 38.129.448.759 |
| 30/6/2018 | 13.605.849.769 | 21.427.411.456 | - | 471.312.577 | 35.504.573.802 |
| Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng | | | | | |
| 31/12/2017 | - | 565.053.636 | 172.415.073 | - | 737.468.709 |
| 30/6/2018 | - | 91.980.000 | 208.778.709 | - | 300.758.709 |

9. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Cộng |
|-------------------------------|--------------------|--------------------|
| Nguyên giá | | |
| 31/12/2017 | 601.291.237 | 601.291.237 |
| Tăng trong kỳ | - | - |
| Giảm trong kỳ | - | - |
| 30/6/2018 | 601.291.237 | 601.291.237 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | |
| 31/12/2017 | 30.297.618 | 30.297.618 |
| Tăng trong kỳ | 6.991.758 | 6.991.758 |
| Khấu hao trong kỳ | 6.991.758 | 6.991.758 |
| Giảm trong kỳ | - | - |
| 30/6/2018 | 37.289.376 | 37.289.376 |
| Giá trị còn lại | | |
| 31/12/2017 | 570.993.619 | 570.993.619 |
| 30/6/2018 | 564.001.861 | 564.001.861 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | <u>30/6/2018</u> | <u>31/12/2017</u> |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Công trình bộ trụ cầu cố định Phú Quốc | 194.363.636 | 194.363.636 |
| Mua sắm TSCĐ | - | 731.116.363 |
| Cộng | <u>194.363.636</u> | <u>925.479.999</u> |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 56/1A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

11. Các khoản đầu tư tài chính

| | 30/6/2018 | | 31/12/2017 | |
|-------------------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Đầu tư vào các công ty con (a) | 122.145.320.000 | - | 122.145.320.000 | - |
| Đầu tư vào các công ty liên kết (b) | - | - | 25.245.219.451 | - |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (c) | 5.784.016.819 | - | 2.900.016.819 | - |
| Cộng | 127.929.336.819 | - | 150.290.556.270 | - |

a) Đầu tư vào các Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 như sau:

| Tên các công ty con | Địa chỉ | Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu | 30/6/2018 | | 31/12/2017 | |
|--|--|--|-------------------|------------------------|------------|------------------------|
| | | | Tỷ lệ phần sở hữu | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc |
| Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát (ta) | Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng | Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa | 96,08% | 34.604.120.000 | - | 34.604.120.000 |
| Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh (tia) | Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng | Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa | 100,00% | 45.961.200.000 | - | 45.961.200.000 |
| Công ty TNHH DV Hàng hải Hải Minh (tiia) | Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng | Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa | 100,00% | 41.580.000.000 | - | 41.580.000.000 |
| Cộng | | | | 122.145.320.000 | - | 122.145.320.000 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

(i) Đầu tư vào Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát với giá trị vốn góp là 34.604.120.000 VND, chiếm tỷ lệ 96,08% vốn điều lệ của công ty này. Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát có trụ sở tại Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng hoạt động kinh doanh chính là dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa. Trong kỳ, Công ty đã ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính liên quan đến khoản lợi nhuận hoạt động sản xuất, kinh doanh từ Công ty này với số tiền là 1.324.842.126 VND (6 tháng đầu năm 2017: 1.351.724.429 VND).

(ii) Đầu tư vào Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh với giá trị vốn góp là 45.961.200.000 VND, chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ của công ty này. Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh có trụ sở tại Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng hoạt động kinh doanh chính là dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa. Trong kỳ, Công ty đã ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính liên quan đến khoản lợi nhuận hoạt động sản xuất, kinh doanh từ Công ty này với số tiền là 1.098.086.535 VND (6 tháng đầu năm 2017: 3.668.182.115 VND).

(iii) Đầu tư vào Công ty TNHH DV Hàng hải Hải Minh với giá trị vốn góp là 41.580.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ của công ty này. Công ty TNHH DV Hàng hải Hải Minh có trụ sở tại Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng hoạt động kinh doanh chính là dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa.

b) Đầu tư vào các Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 như sau:

| Tên các công ty liên kết | Địa chỉ | Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu | 30/6/2018 | | 31/12/2017 | | | | | |
|---------------------------------------|---|---|-------------------|----------|------------|----------------|-------------------|-----------------------|----------|-----------------------|
| | | | Tỷ lệ phần sở hữu | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Tỷ lệ phần sở hữu | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
| Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) | 60A Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội | Cung cấp dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa bằng đường biển | 00,00% | - | - | - | 25,00% | 18.175.783.651 | - | 18.175.783.651 |
| Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh | Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh | Dịch vụ thông quan. Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa. Dịch vụ vận tải đường bộ | 00,00% | - | - | - | 49,00% | 7.069.435.800 | - | 7.069.435.800 |
| Cộng | | | | - | - | - | | 7.069.435.800 | - | 7.069.435.800 |
| | | | | - | - | - | | 25.245.219.451 | - | 25.245.219.451 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | 30/6/2018 | | 31/12/2017 | |
|--|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (*) | 5.784.016.819 | - | 2.900.016.819 | - |
| Cộng | 5.784.016.819 | - | 2.900.016.819 | - |

(*) Giá trị của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An tương ứng với 618.500 cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 412.500 cổ phiếu). Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

| | 30/6/2018 | | 31/12/2017 | |
|--|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh | 18.600.000 | 18.600.000 | 60.750.000 | 60.750.000 |
| Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát | - | - | - | - |
| Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn | 2.084.876.000 | 2.084.876.000 | 1.509.426.209 | 1.509.426.209 |
| Công ty TNHH Cảng Phước Long | 112.846.359 | 112.846.359 | 91.628.300 | 91.628.300 |
| Khách hàng khác | 1.468.198.410 | - | 2.814.509.372 | - |
| Cộng | 3.684.520.769 | 2.216.322.359 | 4.476.313.881 | 1.661.804.509 |

Trong đó số dư phải trả người bán các bên liên quan là:

| | 30/6/2018 | 31/12/2017 |
|--------------------------------|-------------------|-------------------|
| Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh | 18.600.000 | 60.750.000 |
| Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát | - | - |
| Cộng | 18.600.000 | 60.750.000 |

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| Chỉ tiêu | 31/12/2017 | Số phải nộp | Số đã nộp | 30/6/2018 |
|---|--------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước | - | 425.858.037 | 178.171.930 | 247.686.107 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 620.750.825 | 1.303.046.300 | 800.000.000 | 1.123.797.125 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 243.226.186 | 578.424.041 | 815.981.777 | 5.668.450 |
| Thuế nhà thầu | 53.274.284 | 376.379.239 | 365.904.236 | 63.749.287 |
| - Thuế TNDN | 30.497.907 | 185.958.872 | 184.553.298 | 31.903.481 |
| - Thuế GTGT | 22.776.377 | 190.420.367 | 181.350.938 | 31.845.806 |
| Các loại thuế khác | - | 3.000.000 | 3.000.000 | - |
| - Thuế môn bài | - | 3.000.000 | 3.000.000 | - |
| Cộng | 917.251.295 | 2.683.707.617 | 2.160.057.943 | 1.440.900.969 |

Trình bày số dư trên bảng cân đối kế toán:

| | | |
|-------------------------------------|-------------|---------------|
| Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | - | - |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 917.251.295 | 1.440.900.969 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

14. Chi phí phải trả

| | <u>30/6/2018</u> | <u>31/12/2017</u> |
|-----------------|---------------------------|---------------------------|
| Phí dịch vụ | - | 34.090.909 |
| Cước vận chuyển | 157.800.000 | 34.090.909 |
| Chi phí khác | 175.201.745 | 301.007.187 |
| Cộng | <u>333.001.745</u> | <u>335.098.096</u> |

15. Phải trả khác

| | | |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| a) Ngắn hạn | 1.257.051.877 | 907.592.226 |
| Kinh phí công đoàn | 100.000 | 9.869.430 |
| Bảo hiểm xã hội | 92.946.300 | 125.578.200 |
| Bảo hiểm y tế | 18.075.000 | 23.836.350 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 7.631.500 | 10.202.600 |
| Cổ tức phải trả | 16.617.395 | 13.923.195 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 1.121.681.682 | 724.182.451 |
| + Công ty TNHH DV Hàng Hải Hải Minh | - | 49.500.000 |
| + Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh | 198.300.000 | 75.000.000 |
| + Công ty TNHH Tiếp Vận Nam Phát | 209.400.000 | 98.000.000 |
| + Phải trả khác | 713.981.682 | 501.682.451 |
| b) Dài hạn | 185.000.000 | 185.000.000 |
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 185.000.000 | 185.000.000 |
| + Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh | 140.000.000 | 140.000.000 |
| + Công ty TNHH SCHUNK INTEC | 30.000.000 | 30.000.000 |
| + Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn khác | 15.000.000 | 15.000.000 |
| Cộng | <u>1.442.051.877</u> | <u>1.092.592.226</u> |

Trong đó số dư phải trả người bán các bên liên quan là:

| | | |
|---|-------------|-------------|
| Ngắn hạn | | |
| + Công ty TNHH DV Hàng Hải Hải Minh | - | 49.500.000 |
| + Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh | 198.300.000 | 75.000.000 |
| + Công ty TNHH Tiếp Vận Nam Phát | 209.400.000 | 98.000.000 |
| Dài hạn | | |
| + Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh | 140.000.000 | 140.000.000 |

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| Chỉ tiêu | <u>31/12/2017</u> | <u>Số phải nộp</u> | <u>Số đã nộp</u> | <u>30/6/2018</u> |
|--|-------------------|------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Công ty CP Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh (HSC) | - | 57.477.882.356 | 52.488.829.407 | 4.989.052.949 |
| Cộng(*) | - | <u>57.477.882.356</u> | <u>52.488.829.407</u> | <u>4.989.052.949</u> |

(*) Hợp đồng mở lưu ký chứng khoán tại Công ty Cổ phần Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Thời hạn vay: Theo từng mã chứng khoán hỗ trợ

Lãi suất: Theo từng mã chứng khoán hỗ trợ

Mục đích vay: Mua bán chứng khoán

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Năm 2017

Quỹ phúc lợi
Quỹ khen thưởng ban quản lý, điều hành

| Số đầu kỳ | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Thu khác | Chi trong năm/kỳ | Giảm khác | Số cuối kỳ |
|--------------------|--------------------------------|--------------------|----------------------|--------------------|--------------------|
| 22.381.001 | 1.604.823.493 | 172.380.000 | 1.590.515.000 | 172.380.000 | 36.689.494 |
| 347.203.140 | 1.239.882.328 | - | 1.194.907.560 | - | 392.177.908 |
| 369.584.141 | 2.844.705.821 | 172.380.000 | 2.785.422.560 | 172.380.000 | 428.867.402 |

6 tháng đầu năm 2018

Quỹ phúc lợi
Quỹ khen thưởng ban quản lý, điều hành

| | | | | | |
|--------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|--------------------|
| 36.689.494 | 1.307.441.859 | - | 775.200.000 | - | 568.931.353 |
| 392.177.908 | 1.098.172.756 | - | 1.147.983.829 | - | 342.366.835 |
| 428.867.402 | 2.405.614.615 | - | 1.923.183.829 | - | 911.298.188 |

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận chưa phân phối | Cộng |
|--------------------------|---------------------------|----------------------|-----------------------|--------------------------|------------------------|
| 01/01/2017 | 131.998.470.000 | 5.893.984.271 | 6.614.442.869 | 101.737.146.831 | 246.244.043.971 |
| Tăng vốn trong năm trước | - | - | - | - | - |
| Bán cổ phiếu quỹ | - | - | - | 20.700.683.588 | 20.700.683.588 |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | (13.199.847.000) | (13.199.847.000) |
| Chia cổ tức trong năm | - | - | - | (2.844.705.821) | (2.844.705.821) |
| Giảm khác | - | - | - | (1.080.118.293) | (1.080.118.293) |
| 31/12/2017 | 131.998.470.000 | 5.893.984.271 | 6.614.442.869 | 105.313.159.305 | 249.820.056.445 |
| 01/01/2018 | 131.998.470.000 | 5.893.984.271 | 6.614.442.869 | 105.313.159.305 | 249.820.056.445 |
| Lãi trong năm nay | - | - | - | 26.372.096.424 | 26.372.096.424 |
| Chia cổ tức trong năm | - | - | - | (13.199.847.000) | (13.199.847.000) |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | (2.405.614.615) | (2.405.614.615) |
| Tăng khác | - | - | - | 54.748.145 | 54.748.145 |
| 30/6/2018 | 131.998.470.000 | 5.893.984.271 | 6.614.442.869 | 116.134.542.259 | 260.641.439.399 |

(*) Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-2018/NQ-DHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2018, bao gồm: chia cổ tức 10%; trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi 7% Lợi nhuận hợp nhất; trích quỹ hoạt động Hội đồng quản trị 5% Lợi nhuận hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cổ phiếu

| | <u>Tại 30/6/2018</u> | <u>Tại 31/12/2017</u> |
|---|----------------------|-----------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 13.200.000 | 13.200.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng | 13.199.847 | 13.199.847 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>13.199.847</i> | <i>13.199.847</i> |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | - | - |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 13.199.847 | 13.199.847 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>13.199.847</i> | <i>13.199.847</i> |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu. | | |

19. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng

Ngoại tệ các loại

| | <u>Đơn vị tính</u> | <u>30/6/2018</u> | <u>31/12/2017</u> |
|----------|--------------------|------------------|-------------------|
| Đô la Mỹ | USD | 12.748,51 | 22.584,52 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | <u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u> | <u>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017</u> |
|----------------------------|--|--|
| Dịch vụ vận tải | 5.886.798.380 | 7.181.384.942 |
| Dịch vụ khai thác kho bãi | 5.531.345.787 | 4.196.078.232 |
| Dịch vụ đại lý container | 4.260.453.096 | 8.016.574.796 |
| Dịch vụ cho thuê văn phòng | 544.700.939 | 408.521.643 |
| Doanh thu bán hàng hóa | - | 118.181.818 |
| Cộng | <u>16.223.298.202</u> | <u>19.920.741.431</u> |

2. Giá vốn hàng bán

| | | |
|-------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Giá vốn dịch vụ vận tải | 6.759.058.593 | 6.869.162.911 |
| Khai thác kho bãi | 6.226.825.303 | 4.110.536.946 |
| Đại lý container | 2.570.107.177 | 4.021.037.090 |
| Cho thuê văn phòng | 282.162.165 | 284.900.060 |
| Giá vốn hàng bán | - | 127.272.000 |
| Cộng | <u>15.838.153.238</u> | <u>15.412.909.007</u> |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018 | Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 |
|---------------------------------------|--|--|
| Lãi đầu tư từ Công ty liên kết | 19.005.873.520 | 9.585.996.166 |
| Lãi đầu tư từ Công ty con | 2.422.928.661 | 6.349.228.444 |
| Lãi do thanh lý khoản đầu tư | 11.598.784.587 | - |
| Lãi đầu tư chứng khoán | 4.854.797.284 | - |
| Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu | 448.794.037 | 73.474.868 |
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 290.095.220 | 435.055.385 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá thanh toán | 48.979.781 | 156.416.561 |
| Lãi đầu tư khác | 412.500.000 | - |
| Lãi hoạt động khác | 5.973.333 | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thanh toán | 1.058.015 | - |
| Cộng | 39.089.784.438 | 16.600.171.424 |

4. Chi phí tài chính

| | | |
|--|----------------------|-------------------|
| Chi phí dự phòng đầu tư chứng khoán kinh doanh | 5.235.949.855 | - |
| Lỗ hoạt động kinh doanh chứng khoán | 4.206.633.591 | - |
| Chi phí lãi vay | 267.481.576 | - |
| Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | - | 9.102.401 |
| Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 88.964.035 | 37.955.556 |
| Cộng | 9.799.029.057 | 47.057.957 |

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | | |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 1.199.766.742 | 1.104.091.801 |
| Chi phí nguyên vật liệu quản lý | 39.499.000 | 54.145.464 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 27.536.507 | 23.336.746 |
| Chi phí khấu hao | 188.793.906 | 188.793.906 |
| Thuế, phí và lệ phí | 11.771.676 | 9.504.989 |
| Chi phí dự phòng | 197.200.000 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 476.271.242 | 455.927.411 |
| Chi phí bằng tiền khác | 184.192.114 | 153.837.570 |
| Cộng | 2.325.031.187 | 1.989.637.887 |

6. Lợi nhuận khác

| | | |
|--|--------------------|------------------|
| Thanh lý tài sản cố định | 118.975.735 | 1.638.467 |
| Thu nhập khác | 81.846.424 | 4.000.000 |
| Thu nhập khác | 200.822.159 | 5.638.467 |
| Chi phí nộp phạt thuế | 9.632 | - |
| Chi phí khác | 46.886.700 | - |
| Chi phí khác | 46.896.332 | - |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác | 153.925.827 | 5.638.467 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | <u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u> | <u>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017</u> |
|---|--|--|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 27.504.794.985 | 19.076.946.471 |
| Điều chỉnh lợi nhuận kế toán: | (21.841.302.181) | (15.935.224.610) |
| Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng | - | - |
| Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm | (21.841.302.181) | (15.935.224.610) |
| Tổng thu nhập chịu thuế | 5.663.492.804 | 3.141.721.861 |
| Thuế suất áp dụng | 20% | 20% |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | <u>1.132.698.561</u> | <u>628.344.372</u> |

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

| | | |
|-----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu | 1.682.561.091 | 1.685.239.007 |
| Chi phí nhân viên | 5.180.767.883 | 5.621.136.862 |
| Chi phí khấu hao | 2.653.067.903 | 2.323.302.152 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 8.088.656.239 | 7.491.747.727 |
| Chi phí bằng tiền khác | 558.131.309 | 281.121.146 |
| Cộng | <u>18.163.184.425</u> | <u>17.402.546.894</u> |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

| | <u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u> | <u>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017</u> |
|-------------------------------------|--|--|
| Lợi nhuận được chia chưa thu | 13.369.168.883 | 15.935.224.610 |
| Chuyển nhượng vốn chưa thu tiền | 7.435.394.531 | - |
| Thanh lý tài sản trong năm chưa thu | 1.160.000.000 | 254.545.456 |
| Xây dựng tài sản chưa thanh toán | - | 947.000.000 |
| Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu | 461.237.228 | 73.474.868 |

Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

| | | |
|---|--------------------|----------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng đã thu của năm trước | <u>179.933.333</u> | <u>-</u> |
|---|--------------------|----------|

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|--|---------------------------|
| Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát | Công ty con |
| Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh | Công ty con |
| Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải Hải Minh | Công ty con |
| Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh | Công ty liên kết |
| Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) | Công ty liên kết |

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

| | <u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u> | <u>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017</u> |
|--|---|---|
| <i>Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát</i> | | |
| Cung cấp dịch vụ | - | - |
| Chi phí dịch vụ đã sử dụng | 13.298.500 | 17.702.318 |
| Lợi nhuận được chia | <u>1.324.842.126</u> | <u>1.351.724.429</u> |
| <i>Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh</i> | | |
| Cung cấp dịch vụ | 145.560.000 | - |
| Chi phí dịch vụ đã sử dụng | 31.500.000 | 141.375.455 |
| Lợi nhuận được chia | <u>1.098.086.535</u> | <u>3.668.182.115</u> |
| <i>Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh</i> | | |
| Bán tài sản cố định | - | 254.545.456 |
| Lợi nhuận được chia | <u>-</u> | <u>1.329.321.900</u> |
| <i>Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh</i> | | |
| Cung cấp dịch vụ | - | 965.108.918 |
| Chuyển nhượng vốn | <u>7.579.471.055</u> | <u>-</u> |
| <i>Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)</i> | | |
| Cung cấp dịch vụ | 355.824.676 | 2.149.092.058 |
| Chuyển nhượng vốn (phải thu khác) | 26.759.944.955 | - |
| Đã thu chuyển nhượng vốn (phải trả khác) | 37.918.938.000 | - |
| Lợi nhuận được chia | <u>-</u> | <u>9.585.996.166</u> |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, công nợ với các bên liên quan như sau:

| | <u>30/6/2018</u> | <u>31/12/2017</u> |
|---|-----------------------|----------------------|
| Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát | | |
| Phải thu khác | 1.324.842.126 | - |
| Phải trả thương mại | - | - |
| Phải trả khác | <u>209.400.000</u> | <u>98.000.000</u> |
| Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh | | |
| Phải thu khác | 1.811.259.400 | 2.868.182.115 |
| Phải trả thương mại | 18.600.000 | 60.750.000 |
| Phải trả khác | <u>198.300.000</u> | <u>75.000.000</u> |
| Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh | | |
| Phải thu thương mại | 37.800.000 | 280.000.000 |
| Phải thu khác | 1.329.321.900 | 1.329.321.900 |
| Phải trả khác | <u>-</u> | <u>49.500.000</u> |
| Công ty TNHH Tiếp vận DongBu Hải Minh | | |
| Phải thu khách hàng | 356.224.642 | 327.103.606 |
| Phải thu khác | 7.435.394.531 | - |
| Ký quỹ thuê văn phòng | <u>140.000.000</u> | <u>140.000.000</u> |
| Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam) | | |
| Phải thu khách hàng | - | 2.700.616.803 |
| Phải thu khác | <u>13.369.168.883</u> | <u>6.352.378.277</u> |

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

| | <u>Từ 01/01/2018</u> <u>đến 30/6/2018</u> | <u>Từ 01/01/2017</u> <u>đến 30/6/2017</u> |
|--------------------|--|--|
| Tiền lương, thưởng | 769.600.002 | 776.666.666 |
| Cộng | <u>769.600.002</u> | <u>776.666.666</u> |

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

| | 30/6/2018 | | 31/12/2017 | |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị ghi sổ | Giá trị hợp lý | Giá trị ghi sổ | Giá trị hợp lý |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 33.082.415.212 | 33.082.415.212 | 30.036.771.057 | 30.036.771.057 |
| Chứng khoán kinh doanh | 13.313.857.750 | 13.313.857.750 | 9.529.406.637 | 9.529.406.637 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 21.389.540.099 | 21.389.540.099 | 1.389.540.099 | 1.389.540.099 |
| Phải thu của khách hàng | 13.709.264.254 | 13.709.264.254 | 12.588.313.270 | 12.588.313.270 |
| Phải thu khác | 19.112.966.137 | 19.112.966.137 | 12.177.390.660 | 12.177.390.660 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 5.784.016.819 | 5.784.016.819 | 2.900.016.819 | 2.900.016.819 |
| Cộng | 106.392.060.271 | 106.392.060.271 | 68.621.438.542 | 68.621.438.542 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Phải trả người bán | 3.684.520.769 | 3.684.520.769 | 4.476.313.881 | 4.476.313.881 |
| Chi phí phải trả | 333.001.745 | 333.001.745 | 335.098.096 | 335.098.096 |
| Phải trả khác | 1.323.299.077 | 1.323.299.077 | 923.105.646 | 923.105.646 |
| Cộng | 5.340.821.591 | 5.340.821.591 | 5.734.517.623 | 5.734.517.623 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số V.10.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này cũng như đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa các rủi ro này có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về yếu tố của các công cụ tài chính trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động kinh doanh là không đáng kể do tài sản (nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của hàng hóa sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Quản lý về rủi ro giá cổ phiếu

Các cổ phiếu mà Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư,...

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá cổ phiếu đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng là không đáng kể do khoản đầu tư mua cổ phiếu có giá trị nhỏ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng ...)

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

| | Trong vòng 1 năm | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-------------------------------------|-------------------------|-----------------------------|----------------------|------------------------|
| 30/6/2018 | | | | |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 33.082.415.212 | - | - | 33.082.415.212 |
| Chứng khoán kinh doanh | 13.313.857.750 | - | - | 13.313.857.750 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 21.389.540.099 | - | - | 21.389.540.099 |
| Phải thu của khách hàng | 13.709.264.254 | - | - | 13.709.264.254 |
| Phải thu khác | 19.107.966.137 | 5.000.000 | - | 19.112.966.137 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | - | - | 5.784.016.819 | 5.784.016.819 |
| Cộng | 100.603.043.452 | 5.000.000 | 5.784.016.819 | 106.392.060.271 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Phải trả người bán | 3.684.520.769 | - | - | 3.684.520.769 |
| Chi phí phải trả | 333.001.745 | - | - | 333.001.745 |
| Phải trả khác | 1.138.299.077 | 185.000.000 | - | 1.323.299.077 |
| Cộng | 5.155.821.591 | 185.000.000 | - | 5.340.821.591 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 95.447.221.861 | (180.000.000) | 5.784.016.819 | 101.051.238.680 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

| | Trong vòng 1 năm | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-------------------------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|
| 31/12/2017 | | | | |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 30.036.771.057 | - | - | 30.036.771.057 |
| Chứng khoán kinh doanh | 9.529.406.637 | - | - | 9.529.406.637 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 1.389.540.099 | - | - | 1.389.540.099 |
| Phải thu của khách hàng | 12.588.313.270 | - | - | 12.588.313.270 |
| Phải thu khác | 11.810.302.660 | 367.088.000 | - | 12.177.390.660 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | - | - | 2.900.016.819 | 2.900.016.819 |
| Cộng | 65.354.333.723 | 367.088.000 | 2.900.016.819 | 68.621.438.542 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Phải trả người bán | 4.476.313.881 | - | - | 4.476.313.881 |
| Chi phí phải trả | 335.098.096 | - | - | 335.098.096 |
| Phải trả khác | 738.105.646 | 185.000.000 | - | 923.105.646 |
| Cộng | 5.549.517.623 | 185.000.000 | - | 5.734.517.623 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 59.804.816.100 | 182.088.000 | 2.900.016.819 | 62.886.920.919 |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2018 yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2018



NGUYỄN THẾ HÙNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ